

CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: 11 Hà Huy Tập - TP. Quy Nhơn

Mẫu số B02-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)SỐ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN

Số: 1503

Giờ: Ngày 7 tháng 01 năm 12

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 Năm 2011

ĐVT: Việt Nam đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Luỹ kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.14	119.422.635.810	40.991.383.709	372.290.945.977	123.941.734.503
2. Các khoản giảm doanh thu	02	V.15	24.623.110.440	6.226.438.247	63.187.206.684	18.633.134.584
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	V.16	94.799.525.370	34.764.945.462	309.103.739.293	105.308.599.919
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.17	44.676.406.580	22.385.629.301	178.561.714.079	67.933.252.836
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		50.123.118.790	12.379.316.161	130.542.025.214	37.375.347.083
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	4.663.231.833	6.449.680.556	22.198.677.478	13.642.848.736
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	-	21.763.890	39.360.044	82.688.660
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	21.763.890	3.589.325	21.763.890
8. Chi phí bán hàng	24		7.735.177.951	5.293.117.026	24.523.369.920	15.150.178.428
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.442.015.156	2.002.257.467	13.163.205.616	5.945.357.100
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21-22) - (24+25))	30		42.609.157.516	11.511.858.334	115.014.767.112	29.839.971.631
11. Thu nhập khác	31		368.181.818	42.090.910	400.872.558	130.006.910
12. Chi phí khác	32		-	30.000.000	-	113.616.000
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		368.181.818	12.090.910	400.872.558	16.390.910
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		42.977.339.334	11.523.949.244	115.415.639.670	29.856.362.541
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		9.218.630.003	2.283.612.311	24.027.356.262	6.596.815.664
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	V.23	33.758.709.331	9.240.336.933	91.388.283.408	23.259.546.877
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		4.086	1.118	11.062	2.815

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Huỳnh Ngọc Bích

Lê Anh Vũ

